



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ☐ Yes, ☐ No

EXIT VISA: ☐ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Van Lo
Last Middle First

Current Address 134/109/227 P.15 Quận 3 Ho Chi Minh City

Date of Birth Sep. 08-1943 Place of Birth Đông Hà

Previous Occupation (before 1975) Sergeant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Feb. 12-1976 To Oct. 1982

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Nguyen van Bi
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>Nu thi Ngoc</i>	<i>May 5-1943</i>	<i>Wife</i>
<i>Nguyen Cong Ba'uan</i>	<i>June 7-1964</i>	<i>Son</i>

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

16. 12. 1988.

Kính Thưa Bà chủ tịch.

Kính mong Bà và quý Hội giúp đỡ và chuyển hộ sơ giúp tôi.

Tôi xin gửi đến Bà 2 bản.

Câu mong sự giúp đỡ của Bà và Quý Hội.

Những người Việt Nam như chúng tôi còn lại hiện tại ở VN.

Vết thày mời người đến campuchia và bút ôn, khắc cốt ghi tâm. Lòng hảo hiệp và sự giúp đỡ nhiệt tình của Bà.

Tray kính chào Bà
Nguyễn Văn Lợi.

KÍNH GỬI - NGÀI GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH ODP

Đề Mục: Về việc xin được ra đi theo chương trình ODP.

Kính thưa Ngài.

Nguyên tôi là: NGUYỄN VĂN LỢI cấp bậc Trung sĩ nhất QY
QLVNCH. Số quân 63A. 143038. KBC 4748
Quân Y Viên NGUYỄN VĂN NHƯT. UNG TAU.

Tôi đã bị đi cải tạo tập trung kể từ ngày = 12. 2. 1976 đến
tháng 10 năm 1982. được thả về và lúc này vẫn
còn bị quản chế.

Kính thưa Ngài.

Tôi gia nhập quân đội ngày 11. 2. 1964 Khoa 17/HSQ/TB
Quang Trung, mãn khóa tháng 6. 1964 chuyển đến Trường Đại học
Quân Y QLVNCH học khoa Hs. quân QY cuối năm mãn khóa
về ĐĐ 5 QY thuộc SĐ 5 BB. Năm 1965 tôi lại chuyển lại
trường Đại học quân y học tiếp khóa Cao đẳng Y Tá B1/21
ra trường Năm 1966, Thuyên chuyển về ĐĐ 2 QY Biệt lập thuộc
quân đoàn II (Không nhớ KBC) Năm 1967 dời về đơn vị QY
Diện địa thuộc Quân Đoàn Dương Đà Lạt, chức vụ Trưởng
Trạm Quân Y Diện Địa Năm 1969 - Thuyên chuyển về QY Viên
Mộc Hoa tỉnh Kiên Giang - sát nhập với Dân Y Viên. Thành
Bệnh Viên Quân Dân Y Kiên Giang, chức vụ Trưởng phòng,
Ngoại chẩn BVQDY/KT. (Kiếm Sĩ quan An Ninh Đơn vị không nhớ
KBC) - Đến 17. 3. 1971 Thuyên chuyển về Quân Y Viên
NGUYỄN VĂN NHƯT KBC 4748 chuyển ngày 30. 4. 1975

- Đến ngày 12. 2. 1976 tôi bị đưa đi cải tạo về vụ
bắt anh Nguyễn Văn Trời Ngày 26. 4. 1964. lúc đó
tôi được về phép cuối tuần Nhân lúc thấy anh Trời mệt mỏi
giật sập cùm CÔNG LÝ, và di định BSTRƯỜNG NGOẠI GIAO
HỒA KỶ sẽ phải đi qua. Lúc 06 giờ sáng
Ngày 26. 4. 1964. - Tôi khai giấy và tích thu giấy, căn
cước của anh về giải anh ta giao cho bot cảnh sát
ĐANG VĂN BẮC. Quân III SGO. cả 2 anh thuộc thành
Trưởng đều ở gần nhà tôi. Cảnh sát ghi tên và giữ
giấy phép của tôi do Quân Trưởng cấp, sau đó tôi phải
đưa giấy phép lại, vì tôi phải về trình diện Quân Trưởng
lúc 0700h sáng hôm sau. Sau vụ đó CS VN và Mỹ
có thông công nhưng tôi không được biết.

Vi, Tôi đã trở về quân Trại, Tôi hành quân vì đã làm
việc này vì là một quân nhân. con việc lính thường thì
tôi không rõ. Tuy nhiên, chính quyền hiện tại để biết
rõ rằng là Tôi là chủ động việc bắt anh tôi để
làm hết vụ mưu sát Ngai. BỔ TRƯỞNG QUỐC PHÁP
HÀNG HÒA KỸ THUẬT MẠC NA MA RA.

Vì lý do đó tôi đã bị giam cầm ở CATUN hơn
1 năm, bị các bộ, huấn luyện và xếp và bị khai thác

Sau đó chuyển tôi về trại LONG AN hơn 3 năm ở
phòng Tôi 2 năm, mới được ra phòng giam chuyển tiếp
tên trại mới Hoa. 1 năm 7 tháng

Được thả về tháng 10. 1982. Hiện tại tôi vẫn
còn bị giam cầm tại trại được phép tu nghiệp tại nhà mẹ tôi.
Khi trước chỗ nhà tôi đã ở và Bat and Tron này nhà
mẹ tôi tên là NGUYỄN THỊ LIÊU, bệnh giảng so
số 028/NTH/KT địa chỉ 134/109/227/ Đường lý
CHINH THANG, phường 15 Quận II và con tôi là NGUYỄN
CÔNG BA LUÂN sinh ngày 7.6. 1964 cũng bị anh
hàng, họ đã cắt hết tóc của con tôi. Chết tôi
Hai cha con bị đờn xui, ngược đãi và cũng bị thúc dục
giam cầm cho tôi bay qua.

Nay, Tôi Trần Trọng Việt đơn này kính mong
ông Giám Đốc chương trình GDP cũng xét và cho
tôi cùng con tôi được nhập cảnh Hoa Kỳ.

Kính Thưa Ngai

Việc không may cho con tôi và Tôi là Mẹ của cháu
đã chết vì bệnh viêm màng óc. - 1967. cho tôi rằng
tôi vẫn không tức huyệt.

Trần Trọng Kính Đờn, Xin Ngai
Thường Tỉnh Duyệt xét.

Địa chỉ thư từ:

Bà. MRS Khúc Minh Thảo.

P.O. BOX. 5435 ARLINGTON

VA. 22205-0635

USA.

Nguyễn Văn Lợi

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV #

Date:

Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhumi Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand



A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN VĂN LỢI Sex: Male Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 8-9-1943 DIEN PHUC DONG HOI
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 134/109/227 Đường 15 Q III Thủ Đức LỊCH CHÍNH THẮNG
Q III TP. HCM CHÍ MINH VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : MRS KHUC MINH THU - PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635 USA
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : THC MOC CARPENTER

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>NGUYỄN VĂN LỢI</u>	<u>8-9-1943</u>	<u>DIEN PHUC DONG HOI</u>	<u>Male</u>	<u>Widowed</u>	
2. <u>VU THI NGOC</u>	<u>5-5-1943</u>	<u>NAM DINH</u>		<u>(Died)</u>	<u>wife</u>
4. <u>NGUYỄN CÔNG BA LUÂN</u>	<u>7-6-1964</u>	<u>SAIGON</u>		<u>(Single)</u>	
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: NGUYỄN VĂN TÂM

1921

ĐỒNG HỚI

(Living)

2. Mother

Mẹ

: NGUYỄN THỊ LIÊU

1921

ĐỒNG HỚI

(Living)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: VU THỊ NGOC

1943

NAM ĐỊNH

(Died)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1)

NGUYỄN CÔNG BA' LUÂN (male)

7 6

1964 Saigon

(2)

(Single)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

NGUYỄN THỊ THANH (F)

1950

Saigon

(2)

NGUYỄN THANH SƠN (M)

1960

Saigon

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

: Sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn.

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

: MAJOR Co. PAKINSON (Black) 5th Medical
Company. Infantry.

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ.
tại Viet-Nam

: Đai Đới 5 QY - Thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

chiến dịch trau huấn
phần công.

Date received:

Ngày nhận: Khoảng tháng 2 hoặc 4
1972

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đường sử có không? Có ☒ Không ☒.) Bị tịch thu:

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGUYỄN VĂN LỜI

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

Từ:

12. 2. 1976

To:

Tới:

Tháng 10 1982

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Hiện vẫn còn bị
quan chế.

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Kính Thừa Nguyện Tôi là Hoàng Quân của QLVNCH. Tôi đi tù vì lý
do đặc biệt Ngăn cản và bắt tiếp anh Nguyễn Văn Trỗi:-
Phản sát Bộ Trưởng Quốc Phòng HOA KỲ NGAI MAC NAMARA tại
căn CỘNG 14. ngày 26. 11. 1964. cái giúp tôi, nhà của
đó đặc biệt bị khám xét tịch thu, đến nay vẫn còn bị quan chế.

Signature

Ký tên:

Nguyễn Văn LỜI

Date

Ngày:

15. 12. 1988.

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1) Khai sanh
- 2) trích lục chứng thư hôn thú
- 3- giấy khai tử
4. Giấy khen của QY. Bằng Danh Dự. Huân chương
5. Bản tự ý trình
6. ảnh chụp kèm

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm-việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name

Tên Họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời gian làm việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

NGUYỄN VĂN LỜI

63A-143038

2. Dates:

From:

To:

Ngày, tháng, năm

Từ

Tới

11. 2. 1964

30. 4. 1975

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

Serial Number:

Trung sĩ nhất

Số thẻ nhân-viên:

63A 143038

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chung

Quân Y Lục Quân KBC 4748

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy

Bác Sĩ Thiệu Tâm Y

Quý

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC- PHÒNG
NHA QUẢN-Y

Trưởng Quân-Y



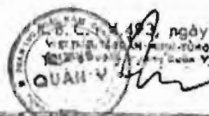
BỘ CHỈ-HUY TRƯỞNG QUẢN-Y

Nghị định khen ngợi

Lần 24/21

Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, anh đã có nhiều đóng góp
nên cơ thể khỏe khoắn, hoạt động, hàng ngày tham gia mọi công việc
giúp ích Quân-quản, đáng nên khen ngợi.

Xứng đáng khen ngợi trước đồng bào.





HỘI CỰU CHIẾN-SĨ VIỆT-NAM

Vietnamese Veterans Legion

HỘI-VIÊN LIÊN-HIỆP CỰU-CHIẾN-SĨ THẾ-GIỚI

Member of the World Veterans Federation



BẰNG DANH-DỰ'

Certificate

HỘI CỰU CHIẾN-SĨ VIỆT-NAM trân trọng cảm tạ

The Vietnamese Veterans Legion expresses its gratitude to

Ông HSA/TS Nguyễn Văn Lợi s. q. 142.038
Mr.

ĐÃ HIẾN MÁU ĐỂ PHỤNG-SỰ HÒA-BÌNH NHÂN NGÀY CỰU CHIẾN-BINH
for his generous contribution to the « Blood - For - Peace » Campaign opened on the

THẾ-GIỚI (21-6-1964).

World Veterans Day (June, 21st, 1964)

Thiếu-Tá PHẠM-ĐỖ-THÀNH

Trưởng Ban Tổ-Chức

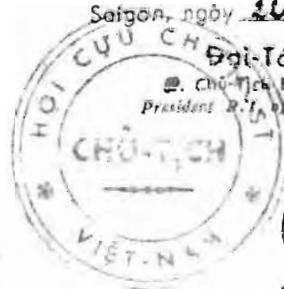
Ngày Cựu-Chiến-Binh Thế-Giới.

Chairman of the Activities Committee
of the World Veterans Day

Saigon, ngày 20 tháng 7 năm 1964

Đại-Tá BUI-VĂN-HAI

Chủ-Tịch Hội Cựu-Chiến-Sĩ Việt-Nam
President R.V. of the Vietnamese Veterans Legion



Donor's signature

President's signature

ĐO THÀNH SAIGON

Toà Hành Chánh Quận: Nhứt

Số hiệu: 2518

Miến lệ phí để nộp vào

bổ nư Quận-Đội

0-0-0

VIỆT NAM CÔNG HOÀ

HỌ TỊCH

W-W-W

TRÍCH LỰU BỐ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tôi là NGUYỄN VĂN LỢI
Khát nhìn đứa nhỏ là con tư
Sanh của tôi và của VU THỊ
NGỌC và bằng lòng cho nó lấy

theo họ Cha.
Saigon, ngày 13 tháng 6 năm
1964

Ký tên:

NGUYỄN VĂN LỢI

Đã được Vũ thị Ngọc nhìn
nhận là con và đồng thời được
lập pháp hoá do hôn thú lập
giữa: NGUYỄN VĂN LỢI và Vũ thị
Ngọc tại Quận BÀ SAIGON ngày
mười tám tháng chín năm một nghìn
chín trăm sáu mươi bốn (chứng
thư hôn thú số: 739)

Saigon, ngày 5 tháng 10 năm 1964

VIỆN CHỨC HO TỊCH

Ký tên và đóng dấu: Lê Minh Tổng

Tên họ đứa nhỏ: NGUYỄN CÔNG BÁ LUÂN

Phái: NAM

Ngày sanh: Bảy tháng sáu năm một ngàn chín trăm
sáu mươi bốn, 13 giờ 25;

Nơi sanh: Sài Gòn, 65 đường Đinh Công Tráng

Tên họ người cha: NGUYỄN VĂN LỢI

Tuổi: Hai mươi một tuổi

Nghề nghiệp: Quân nhân

Nơi cư ngụ: Sài Gòn 134/109/221 đường YÊN ĐỒ

Tên họ người mẹ: VU THỊ NGỌC

Tuổi: Hai mươi một tuổi

Nghề nghiệp: Thợ may

Nơi cư ngụ: Sài Gòn, 134/109/227 đường YÊN ĐỒ

Vợ chánh hay vợ thứ: 6666

Lập tại Saigon, ngày 13 tháng 6 năm 1964

TRÍCH LỰU Y BAN CHANH

Saigon ngày 7 tháng 10 năm 1964

KT Quận Trưởng Quận Nhứt

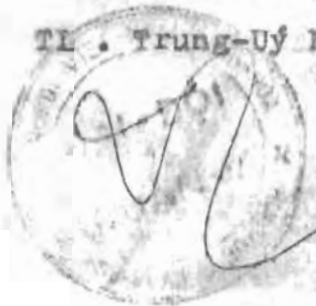
Ký tên và đóng dấu: NGUYỄN THẠNH
HƯỚNG

SAO Y BAN CHANH



KBC. ngày 23 tháng 11 năm 1964

TL. Trung-Ủy NGUYỄN ĐĂNG TIẾN



TỬ

Số hiệu: **33**

(1)

Người chết:	Vũ-thị-Nggo
(Tên, họ)	
Nghề-nghiệp:	Nợ1 trợ
Cư-trú tại:	Cần-Rang, Lạc-Nghiep, Đơn-Dương
Sanh ngày:	5-5-1943
Tại:	Nam-Binh
Chưa có chồng, vợ hay là góa chồng, vợ:	Nguyễn-văn-Lợi
(Kể tên họ nếu có)	
Người chồng hay vợ làm nghề gì:	quân nhân
Cha:	Vũ-khắc-Hân
(Tên, họ)	
Mẹ:	Trần-thị-Quan
(Tên, họ)	
Chết ngày:	23-9-1967
Chết tại:	Cần-Rang, Lạc-Nghiep, Đơn-Dương
Ngày khai:	24-9-1967
Người khai:	Nguyễn-văn-Lợi
(Tên, họ)	
Người khai mấy tuổi:	24 tuổi
Nghề-nghiệp:	quân nhân
Cư-trú tại:	KOC.4433
Người chứng thứ nhất:	Phạm-thị-Thái
(Tên, họ)	
Mấy tuổi:	32 tuổi
Nghề-nghiệp:	học bấn
Cư-trú tại:	Cần-Rang, Lạc-Nghiep, Đơn-Dương
Có phải là bà con hoặc ở gần người chết thì nói rõ:	ở gần
Người chứng thứ nhì:	Lê-thị-Thọ
(Tên, họ)	
Mấy tuổi:	49 tuổi
Nghề-nghiệp:	Nông
Cư-trú tại:	Cần-Rang, Lạc-Nghiep, Đơn-Dương
Có phải là bà con hoặc ở gần thì nói rõ:	ở gần

(1) Lễ chưa đủ mà lược biên án-tòa cải khai-tử lại.

TRÍCH LỤC ĐO ĐOỊ NAM 1967

Làm tại **Lạc-Nghiep** 24-9-

196 7

Lạc-Nghiep, ngày 29-9-1967

Họ-Tên **Nguyễn-văn-Lợi**

Họ-Tên **Vũ-trong-Thành**

Vũ-trong-Thành
và đồng đầu

Nhân-chứng,

Họ-Tên **Phạm-thị-Thái**
Lê-thị-Thọ

không dùng tới thì phải kéo một nét.

BỘ TƯ-PHÁP

Số 4320/LG

Linh/58 N./.

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHÂN

Ngày 15 tháng 5 năm 1954

TOÀ HOÀ-GIẢI
SAIGON

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi mốt ngày 15 tháng 5 hồi 07 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN VĂN DOANH Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự.
phụ - tá

PHẠM THỊ MÔI

ĐÁ TRÌNH DIỆN :

- 1.— O. PHÒNG HIỂN
- 2.— O. DƯƠNG TÌNH
- 3.— O. LÊ VĂN LUY

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chặc

NGUYỄN VĂN LỢI (nam)

sinh ngày 08/9/1943 tại Diên Phúc Quảng Trạch Quảng Bình
con của O. NGUYỄN VĂN TÂM và bà NGUYỄN THỊ LIÊU -

Và duyên có mà O. NGUYỄN VĂN TÂM - không có thể xin sao-lục
khai-sanh được, là vì bộ sanh năm 1943 của Diên Phúc Quảng Bình đã bị tiêu
hủy chiếu theo thơ số ngày 23/9/53 của O. Chánh Lục-sự Toà Án Quảng
Bình; -

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh
này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-dịnh ngày 17 tháng 11 năm 1947 của
Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ
Hình-luật Canh-cải phạt tội ngục-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến
8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,
Saigon, ngày 18 tháng 6 năm 1954
CHÍNH-LỤC-SỰ,

BUI-QUANG-TRAM

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐO-THÀNH SAIGON
Tòa Hành-Chánh Quận Ba

Số hiệu: 739
H/6

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng Nguyễn Văn Lợi

nghề - nghiệp Quân nhân

sinh ngày tám tháng chín năm một ngàn chín

trăm bốn mươi ba tại Diên phúc, Quảng bình (Trung
Phần)

cư - sở tại Saigon, 174/109/270 Yên Đỗ

tạm trú tại

Tên họ cha chồng Nguyễn Văn Tâm (sống)
(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn Thị Liễu (sống)
(sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Vũ Thị Ngọc

nghề - nghiệp Thợ may

sinh ngày năm tháng năm năm một ngàn chín

trăm bốn mươi ba tại Nam định (bắc phần)

cư - sở tại Saigon, 174/109/277 D Yên Đỗ

tạm trú tại

Tên họ cha vợ Vũ Khắc Hân (chết)
(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Trần Thị Quam (chết)
(sống chết phải nói)

Ngày cưới 18 tháng 9 năm 1964

Vợ chồng khai có hay không có lập hôn-khế ngày

tháng năm

tại

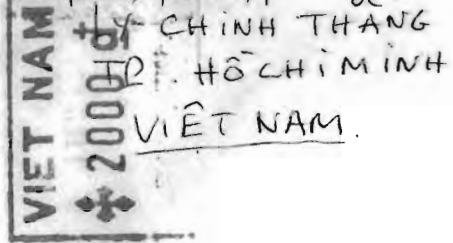
Ông Nguyễn Văn Lợi và
bà Vũ Thị Ngọc cổ khai
hôn tên Nguyễn Công
Đắc Luận, nam, sinh ngày
7.6.1964 tại quận I Saigon
(tờ khai sinh số 2618
lập ngày 13.6.1964 tại
quận I Saigon) là con
đầu mình.

Saigon, ngày 19.9.1964
QUAN TRƯỞNG QUẬN 3



TRÍCH Y BỔN CHÁNH:
Saigon, ngày tháng năm 196
QUAN-TRƯỞNG QUẬN BA,
TL. VIỆN-CHỨC HỌ-TỊCH,
H. H. H. H.
THAM-VĂN-TUNG

FR. NGUYỄN VĂN LỜI
134 / 109 / 227, phường 15 Q III



Kính gửi Bà. Khúc Minh Thờ.

PO. BOX. 5435 Arlington
VA. 22205 - 0635

USA

JAN 06

ION

CONTROL

Card

☒ Doc. Request; Form

Release Order

Computer

Form "D"

ODP/Date

Membership; Letter

5/18/98 form